

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 746/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-4-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Bé

2. Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dũng là thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Phong – Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 834/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 415/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1038/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thụy Ngọc H, sinh năm: 1979; Hộ khẩu thường trú: đường T, phường M, Thành phố T, Thành phố H; Địa chỉ hiện tại: đường L, phường P, huyện N, Thành phố H

2. *Bị đơn:* ông Huỳnh Văn V, sinh năm: 1969; Địa chỉ: đường T, phường L, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nộp ngày 07/9/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Ngọc H trình bày:

Bà và ông Huỳnh Văn V sau thời gian quen nhau thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống, ông V không lo lắng cho vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Ông bà đã thử hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không được. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2019. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục và để ổn định cuộc sống, bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn V.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Huỳnh Minh M, sinh 2004 và Huỳnh Minh X, sinh 2006. Bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

- Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Văn V trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của bà H về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân hiện nay của vợ chồng. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thì về mặt tình cảm không có mâu thuẫn trầm trọng đến mức ly hôn. Ông luôn lo lắng, chăm sóc gia đình và các con. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2018 vì bà H mượn nợ ở ngoài, chủ nợ đến nhà chửi bới, tạt sơn nhà cửa trong khi ông mở tiệm sửa xe tại nhà nên không tiếp tục mở tiệm được.

Ông không đồng ý ly hôn vì 02 con chưa trưởng thành, ông không muốn ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của các con. Đồng thời, bà H tự ý lấy các giấy tờ nhà đất của gia đình ông mà không chịu trả.

Về con chung: Trường hợp ông bà ly hôn thì ông đồng ý giao 02 con chung tên Huỳnh Minh M, sinh 2004 và Huỳnh Minh X, sinh 2006 cho bà H nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trường hợp ông bà ly hôn thì ông bà sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

- Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông V; yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Bị đơn không đồng ý ly hôn vì trong quá trình chung sống bà H tự ý lấy các giấy tờ nhà đất của gia đình ông đi thế chấp và hiện vẫn không trả lại cho ông; Về con chung: trường hợp ông bà ly hôn thì ông đồng ý giao 02 con cho bà H nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Trường hợp ly hôn thì ông bà sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao 02 con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng và bị đơn không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H yêu cầu ly hôn ông V và ông V cư trú tại Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố H cấp, thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông V là hợp pháp.

Bà H xác định trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống, ông V không lo lắng cho vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2019. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và để ổn định cuộc sống bà H yêu cầu được ly hôn với ông V.

Ông V xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn về mặt tình cảm, ông vẫn chăm lo cho gia đình và các con trong khi bà H lo làm ăn. Năm 2019, ông bà sống ly thân nhưng ông vẫn quan tâm, chăm sóc cho bà H

và các con. Việc ông bà sống ly thân là do bà H vay mượn nợ ở ngoài, bị chủ nợ đến đòi, tạt sơn nhà nên phải trốn đi nơi khác ở. Ông xác định vẫn còn tình nghĩa vợ chồng với bà H. Ông không đồng ý ly hôn vì 02 con còn nhỏ, việc ông bà ly hôn sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống, suy nghĩ của con cái sau này. Đồng thời, bà H đang giữ các giấy tờ riêng của gia đình ông mà không trả nên ông cũng không đồng ý ly hôn.

Xét, bà H ông V sống ly thân từ năm 2019, các bên đã có cuộc sống riêng ổn định, không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông V xác định chỉ còn tình nghĩa vợ chồng với bà H và đồng ý ly hôn nếu bà H trả lại những giấy tờ nhà đất của gia đình ông mà bà đã lấy khi còn chung sống. Do đó, đủ cơ sở để xác định, ông V không còn tình cảm vợ chồng với bà H, việc không đồng ý ly hôn không phải vì mong muốn tiếp tục hàn gắn gia đình.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H ông V không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các điều 19, 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thụy Ngọc H và ông Huỳnh Văn V.

[2] Về con chung: Căn cứ 02 Giấy khai sinh của Ủy ban nhân dân 01, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; lời khai của bà H ông V thì có đủ căn cứ xác định bà H ông V có 02 người con chung tên Huỳnh Minh M, sinh 2004 và Huỳnh Minh X, sinh 2006.

Xét, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con, ông V cũng đồng ý giao 02 con cho bà H nuôi dưỡng trong trường hợp ông bà ly hôn. Đồng thời, tại bản trình bày nguyện vọng thì cả 02 con đều mong được ở với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng.

Xét, bà H không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thụy Ngọc H và ông Huỳnh Văn V

2. Về con chung: bà Nguyễn Thụy Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Huỳnh Minh M, sinh 2004 và Huỳnh Minh X, sinh 2006. Ông Huỳnh Văn V không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thụy Ngọc H chịu, nhưng được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Thủ Đức (Quận 9 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thụy Ngọc H đã nộp đủ án phí.

6. Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thụy Ngọc H và ông Huỳnh Văn V không còn giá trị pháp lý.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- UBND cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Quỳnh